

Số: 71 /2002/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 30 tháng 5 năm 2002

**quyết định của UBND tỉnh cần thơ
V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
đến năm 2010 của huyện Vị Thủy, tỉnh Cần Thơ**

Ủy ban nhân dân tỉnh cần thơ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quyết định 62/2000/QĐ-TTg ngày 06/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cần Thơ từ nay đến năm 2010 (điều chỉnh);

Xét Tờ trình số 14/TTr.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của UBND huyện Vị Thủy và Công văn số 226/KHĐT ngày 15/4/2002 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vị Thủy, tỉnh Cần Thơ thời kỳ đến năm 2010,

quyết định:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 của huyện Vị Thủy, tỉnh Cần Thơ, với những nội dung chủ yếu sau:

1- Phương hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu chủ yếu:

1- Phương hướng phát triển:

Tăng cường phát huy nội lực, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng của địa phương, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh; tranh thủ vốn, công nghệ, kể cả nguồn nhân lực bên ngoài, nhanh chóng tạo ra các yếu tố bên trong vững mạnh, "đi tắt, đón đầu" trong một số lĩnh vực, mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, giữa nông nghiệp với phát triển nông thôn, giữa công nghiệp với phát triển đô thị. Phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp đi đôi với đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa nhằm vào giải quyết việc làm, nâng cao mức sống và dân trí, phát triển văn hóa, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi xã hội, xóa dần đi đến loại trừ các tệ nạn xã hội nghiêm trọng; tăng cường bảo vệ và cải thiện môi trường; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu quả chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền; phát động dân trên địa bàn sống văn minh, hòa hợp, giữ gìn kỷ cương luật pháp và truyền thống văn hóa dân tộc.

2- Nhiệm vụ trọng tâm:

- Triển khai 9 chương trình, 7 đề án phát triển kinh tế- xã hội thời kỳ 2001-2005 của tỉnh trên địa bàn huyện. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cả 2 thời kỳ 2001- 2005 và 2006- 2010 cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 1996- 2000.

- Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng tốt các thành tựu khoa học công nghệ, đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp, xây dựng cơ sở chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch, tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ tạo sự chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp- dịch vụ- công nghiệp một cách vững chắc.

- Tiếp tục củng cố, phát triển kinh tế hợp tác; xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhất là thủy lợi, giao thông, điện khí hóa nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân về các mặt y tế, giáo dục- đào tạo nghề, văn hóa, thể dục thể thao, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới theo 10 tiêu chí của tỉnh.

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao năng lực điều hành, quản lý kinh tế, xã hội của các cấp chính quyền; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế- xã hội.

3- Chỉ tiêu chủ yếu và các mũi đột phá:

a) Chỉ tiêu chủ yếu:

**Chỉ tiêu kinh tế:*

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 9,15%/năm, trong đó thời kỳ 2001- 2005 tăng bình quân 8,1%/năm, thời kỳ 2006- 2010 tăng bình quân 10,15%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng các khu vực kinh tế:

+ Khu vực I tăng bình quân 5,2%/năm, trong đó thời kỳ 2001- 2005 tăng bình quân 5,5%/năm, thời kỳ 2006 - 2010 tăng bình quân 4,9%/năm.

+ Khu vực II tăng bình quân 20,5%/năm, trong đó thời kỳ 2001- 2005 tăng bình quân 20%/năm, thời kỳ 2006 - 2010 tăng bình quân 21%/năm.

+ Khu vực III tăng bình quân 16,5%/năm, trong đó thời kỳ 2001- 2005 tăng bình quân 14%, thời kỳ 2006 - 2010 tăng bình quân 19%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người vào năm 2010 tăng gấp 2,8 lần năm 2000; đạt giá trị 6.317.000 đồng/người (năm 2005) và 10.249.000 đồng/người (năm 2010). Thu nhập bình quân đầu người quy USD (theo tỷ giá ngân hàng ngoại thương năm 2000) là 446 USD (năm 2005) và 724 USD (năm 2010).

- Cơ cấu kinh tế: đến năm 2010 cơ cấu kinh tế huyện là nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp, có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa trên cơ sở giảm nhanh tỷ trọng khu vực I và tăng nhanh tỷ trọng khu vực II và tăng tỷ trọng III. Cụ thể: Khu vực I giảm còn 69,60% (năm 2005) và 53,10% (năm 2010); khu vực II 12,90% (năm 2005) và 20,60% (năm 2010); khu vực III 17,75% (năm 2005) và 26,30% (năm 2010).

- Tổ chức và quản lý tốt nguồn thu ngân sách trên địa bàn, phần đầu đạt tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn bình quân 7,4%/năm, tỷ lệ thu ngân sách/VA đạt 6 - 7%.

- Tổng vốn đầu tư trên địa bàn trong 10 năm (2001 - 2010) là 1.200 tỷ đồng, trong đó thời kỳ 5 năm 2001 - 2005 là 450 tỷ đồng và 2006 - 2010 là 750 tỷ đồng. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư/VA 15,76% năm 2005 và 18,5% vào năm 2010.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 9% năm 2005 và 15% năm 2010.

** Các chỉ tiêu xã hội:*

- Duy trì xu thế giảm sinh một cách vững chắc để giữ ổn định mức giảm sinh thay thế từ nay đến năm 2015. Mức giảm sinh bình quân 0,4- 0,5%/năm thời kỳ 2001- 2005 và 0,3- 0,4%/năm thời kỳ 2006- 2010. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,14% vào năm 2005 và 0,98% vào năm 2010.

- Trong 10 năm 2001- 2010 tạo thêm 15.000- 20.000 việc làm, nâng tỷ lệ thu hút lao động tham gia các ngành kinh tế quốc dân/tổng số lao động trong độ tuổi lên 94% năm 2005 và 96% năm 2010. Giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp ở đô thị xuống còn 5% năm 2005 và 3% năm 2010. Tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 80% năm 2005 và 85% năm 2010.

- Tạo chuyển biến rõ về chuyển dịch cơ cấu lao động. Đến năm 2005, phần đầu đưa tỷ trọng lao động khu vực I xuống còn 75%, nâng tỷ trọng khu vực II lên 7% và tỷ trọng lao động khu vực III lên 18%. Đến năm 2010, phần đầu đưa tỷ trọng lao động khu vực I xuống còn 55%, nâng tỷ trọng khu vực II lên 15% và tỷ trọng lao động khu vực III lên 30%.

- Không để tình trạng hộ đói và tái đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 10% năm 2005 và còn dưới 4% vào năm 2010. Nâng tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà khung gỗ lâu bền lên trên 65% năm 2005 và trên 80% năm 2010.

- Đến năm 2005, điện khí hoá 5/10 xã- thị trấn, 85% hộ sử dụng điện, 80% hộ sử dụng nước sạch; đường giao thông nông thôn trải mặt cứng đạt trên 90%. Đến năm 2010, 100% xã- thị trấn được điện khí hóa, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện trên 98%, nước sạch đạt trên 95%, 100% đường giao thông nông thôn trải mặt cứng.

- Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ. Tạo chuyển biến rõ về giáo dục- đào tạo, y tế, văn hóa và các vấn đề xã hội khác nhằm cải thiện sức khỏe, nâng cao dân trí và nâng dần đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân:

+ Giảm đến mức thấp nhất và kiểm chế được số người mắc các bệnh nguy hiểm; từng bước xã hội hóa công tác chữa trị bệnh, chăm sóc tốt sức khỏe nhân dân, nhất là bà mẹ và trẻ em; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 25% năm 2005 và dưới 20% năm 2010.

+ Trên cơ sở hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiếp tục triển khai diện rộng phổ cập giáo dục trung học cơ sở để đến năm 2005 đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn toàn huyện. Thực hiện đề án đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 15% tổng số lao động vào năm 2005 và nâng lên trên 20% vào năm 2010.

+ Đến năm 2005, tổ chức xây dựng và công nhận 7/10 xã- thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa, tiến tới được công nhận 100% xã, thị trấn thời kỳ 2006 - 2010. Tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, phục chế căn cứ cách mạng, xây dựng khu công viên, khu vui chơi giải trí lành mạnh cho thanh thiếu niên.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể dục - thể thao, phấn đấu đến năm 2005 có 15% dân số tham gia luyện tập thường xuyên và nâng lên khoảng 20-25% dân số vào năm 2010.

** Về quốc phòng - an ninh:*

- Tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị. Củng cố, tăng cường tiềm lực an ninh quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, phong trào quần chúng, tổ tự quản, lực lượng dân quân tự vệ bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, giảm đến mức thấp nhất các vụ án, nhất là án hình sự; không để xảy ra trọng án có vũ trang; lập lại trật tự an toàn giao thông, làm giảm rõ các tai nạn giao thông, tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, hạn chế đến mức thấp nhất số vụ việc xảy ra..

- Đảm bảo hàng năm đưa quân đều đạt và vượt chỉ tiêu cả về số lượng và chất lượng; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ khoảng 2% dân số.

b) Các mũi đột phá:

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, tập trung đầu tư phát triển hệ thống giao thông thủy bộ, hệ thống điện, cung cấp nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt, thủy lợi gắn với giao thông, xây dựng tuyến dân cư và xây dựng đồng ruộng, đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm công nghiệp- TTCN, cụm kinh tế - xã hội. Tạo chuyển biến rõ về đô thị hoá.

- Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, xây dựng vùng lúa nguyên liệu chất lượng cao 10.000 ha; phát triển đa dạng hệ thống canh tác luân canh cây lúa và nuôi thủy sản, lúa và màu để đa dạng hóa sản phẩm, tăng hiệu quả sử dụng đất, mặt nước, tăng thu nhập.

- Đẩy mạnh hợp tác với Viện nghiên cứu lúa ĐBSCL, Khoa nông nghiệp, Viện nghiên cứu Thủy sản- Trường Đại học Cần Thơ, Viện cây ăn quả Miền Nam, Trung tâm nghiên cứu thủy sản ĐBSCL nhằm đào tạo nhân lực, tiếp thu và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp yêu cầu thị trường, tăng lợi nhuận cho người sản xuất.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp trung tâm thương mại thị trấn Nàng Mau, và 3 cụm kinh tế - xã hội Vĩnh Tường, Vị Thanh, Vĩnh Thuận Tây, hệ thống chợ xã, chợ nông thôn. Tăng cường liên

doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trong nước và cung ứng xuất khẩu hàng hóa. Trên cơ sở đó, phát triển các dịch vụ, công nghiệp - TTCN thu hút và chuyển đổi cơ cấu lao động, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp có qui mô phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trên cơ sở củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã một cách vững chắc, xây dựng dần các mối liên kết đa thành phần trong tổ chức sản xuất- chế biến- cung cấp tín dụng- tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

- Đầu tư thêm mạng lưới trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên kết hợp với dạy nghề và hướng nghiệp nhằm nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, đi đôi với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

II- Định hướng phát triển các ngành kinh tế - xã hội:

1. Bố trí và sử dụng đất:

Do nhu cầu phát triển đô thị, quỹ đất sử dụng trong nông nghiệp sẽ giảm để chuyển sang các mục đích sử dụng khác theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất huyện Vị Thủy đến năm 2010 như sau: đất nông nghiệp 19.500 ha, chiếm 84,71%; đất lâm nghiệp 266 ha chiếm 1,16%; đất chuyên dùng 2.413 ha, chiếm 10,48%; đất ở đô thị 187 ha, chiếm 0,81%; đất ở nông thôn 583,73 ha, chiếm 2,54%; diện tích sông rạch tự nhiên 71 ha, chiếm 0,31% diện tích tự nhiên.

2- Định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn:

a) Định hướng phát triển:

Định hướng phát triển, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn gắn với thị trường là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.

- Nhanh chóng tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển chiều sâu, đa dạng, ứng dụng tốt các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, cơ giới hóa nông nghiệp, công nghệ mới trong chế biến và bảo quản sau thu hoạch, gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Tiếp tục phát huy vai trò kinh tế hộ, đẩy mạnh phong trào nông dân sản xuất giỏi. Củng cố và phát triển kinh tế hợp tác một cách vững chắc và có hiệu quả, tiến hành xây dựng các hợp tác xã ở những nơi có điều kiện, trước mắt tại vùng quy hoạch lúa chất lượng cao; khuyến khích kinh tế trang trại phát triển, chú trọng trang trại kinh doanh tổng hợp, thu hút nhiều lao động. Ổn định tình hình ruộng đất, đưa công tác quản lý ruộng đất đi vào nề nếp, hoàn thành sớm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện đạt 100% diện tích trước năm 2005.

- Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn theo 10 tiêu chí của tỉnh, đẩy mạnh đầu tư nâng chất và xây dựng mới cơ sở hạ tầng nông thôn tập trung vào hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn, điện khí hoá, chợ, trường, trạm, nhà ở, nước sạch; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao mức sống, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, đào tạo nghề.

b) Nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu:

- Xây dựng vùng lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu (10.000 ha) bằng việc áp dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật giảm chi phí, hạ giá thành sản xuất, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến gạo chất lượng cao.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất tổng hợp, đa dạng hóa sản phẩm, tăng qui mô sản xuất, tạo điều kiện để huyện trở thành địa bàn cung cấp nguyên liệu nông sản hàng hóa quan trọng cho công nghiệp chế biến của tỉnh.

- Cùng với tỉnh, xây dựng Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và nhân giống cây trồng- vật nuôi tại xã Vị Thắng, qui mô 20 ha.

- Giá trị sản xuất tăng bình quân 4,9%/năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng bình quân 5,6%/ năm, thời kỳ 2006-2010 tăng bình quân 4,2 %/năm.

- Giá trị tăng thêm tăng bình quân 5,2%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng bình quân 5,5%/ năm, thời kỳ 2006-2010 tăng bình quân 5,2%/ năm.

- Cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp chuyển đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, dịch vụ nông nghiệp. Phần đầu đến năm 2005 đạt cơ cấu trồng trọt 78,93%, chăn nuôi 7,80%, thủy sản 3,44%, dịch vụ nông nghiệp 9,13%, lâm nghiệp 0,69% và năm 2010 đạt cơ cấu trồng trọt 69,53%, chăn nuôi 12,34%, thủy sản 7,21%, dịch vụ nông nghiệp 10,34%, lâm nghiệp 0,58%.

3- Định hướng phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp:

a) Định hướng phát triển:

- Phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp theo hướng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy tiến độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, gắn mục tiêu phát triển công nghiệp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và phát triển đô thị.

- Xúc tiến hình thành trung tâm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp tại thị trấn Nàng Mau có qui mô ban đầu 5 ha và mở rộng lên 10- 20 ha, lập quy hoạch và xây dựng một số cụm hoặc địa bàn sản xuất công nghiệp-TTCN qui mô 1-1,5ha theo tuyến kênh Xà Nô và Nàng Mau để thu hút các doanh nghiệp trong huyện và bên ngoài, tạo động lực mới cho phát triển các ngành công nghiệp nói riêng và kinh tế huyện nói chung.

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với qui mô vừa và nhỏ đối với một số lĩnh vực có yêu cầu và lợi thế so sánh, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, cơ khí phục vụ nông nghiệp, dệt may gia công, thủ công mỹ nghệ, sản xuất đồ mộc- vật dụng gia đình, khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống tại địa phương.

b) Chỉ tiêu và quy mô phát triển:

- Giá trị sản xuất (giá CĐ 94) tăng bình quân 20,85%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng bình quân 20,55%/năm, thời kỳ 2006-2010 tăng bình quân 21,10%/ năm.

- Giá trị tăng thêm (giá SS 94) tăng bình quân 20,10%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng bình quân 19,8 %/năm, thời kỳ 2006-2010 tăng bình quân 20,40%/ năm.

- Tiếp tục duy trì và ổn định tốc độ tăng trưởng cao ở ngành công nghiệp chế biến LT-TP, tăng tỷ trọng các ngành sản xuất công nghiệp khác, tạo bước chuyển dịch trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Đến năm 2005, tỷ trọng công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm còn 91% và 82,80% vào năm 2010, nâng dần tỷ trọng các lĩnh vực sản xuất khác như sửa chữa cơ khí, máy nông nghiệp, sản xuất công cụ, thiết bị phục vụ nông nghiệp, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, đồ mộc gia dụng...

4- Các ngành dịch vụ:

a) Thương mại:

- Đẩy mạnh các hình thức bán buôn, bán lẻ, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ nông thôn, làm tốt các khâu điều tiết lưu thông và tiêu thụ hàng hóa.

- Phát triển hình thức hợp tác xã sản xuất và dịch vụ thành phổ biến. Khuyến khích các thành phần kinh tế có điều kiện thành lập doanh nghiệp, công ty kinh doanh thương mại, dịch vụ, xúc tiến hợp tác, liên doanh, mời gọi các công ty xuất khẩu nông sản, sản xuất và xuất khẩu hàng tiêu dùng đến đặt văn phòng đại diện hoặc mở chi nhánh trên địa bàn huyện.

- Tiến hành quy hoạch xây dựng và mở rộng khu trung tâm thương mại của huyện tại thị trấn Nàng Mau và hệ thống chợ xã, chú ý 5 xã hiện chưa có chợ. Trước mắt xây dựng cơ sở hạ tầng KT-XH kết hợp với đầu tư chợ ở Vĩnh Thuận Tây, Vĩnh Tường, Vị Thanh.

b) Giao thông vận tải:

Phát triển nhanh hệ thống giao thông thủy- bộ; tổ chức bến xe, bến tàu theo quy hoạch, phát triển thêm các tuyến vận tải. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo các tuyến đường hiện có, đầu tư mới một số tuyến đường giao thông thủy- bộ quan trọng theo hướng phục vụ vận chuyển hàng hóa; mua sắm mới hoặc nâng cấp phương tiện giao thông. Tăng cường quản lý, điều hành tốt các phương tiện, nâng cao chất lượng vận tải, tăng khối lượng và an toàn vận tải hành khách và hàng hóa đối với tất cả các loại hình vận tải.

c) Du lịch:

Sở Du lịch và Công ty du lịch phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan triển khai chương trình phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái, hình thành tuyến kết nối các điểm du lịch liên hoàn, kết hợp giữa du lịch sinh thái sông nước miệt vườn gắn với tham quan các di tích lịch sử của huyện và các huyện bạn. Quy hoạch và từng bước xây dựng các khu du lịch vườn ở các xã dọc theo các tuyến kênh Xà No, Nàng Mau, sông Cái Lớn. Xây dựng một số nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ, phương tiện đưa đón thể hiện được nếp sinh hoạt nông thôn nhằm thu hút khách du lịch.

d) Bưu chính - viễn thông:

Khai thác tốt tổng đài và các thiết bị hiện có, phát triển mạng cáp từ tổng đài xuống các xã, ấp, tăng số lượng máy điện thoại đạt bình quân 3 máy/100 dân vào năm 2005 và tăng lên 6-8 máy/100 dân vào năm 2010.

Tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực dịch vụ khác như tư vấn, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng ngay trên địa bàn huyện.

5- Xây dựng cơ sở hạ tầng:

Triển khai chương trình phát triển giao thông, thủy lợi, nhà ở, khu tuyến dân cư nông thôn thời kỳ 5 năm 2001-2005 và định hướng đến năm 2010.

a/ Hệ thống giao thông :

Kết hợp chặt chẽ giao thông - thủy lợi và xây dựng tuyến, cụm dân cư, giao thông nông thôn phải thoả mãn điều kiện đi lại của cộng đồng dân cư.

- Nâng cấp quốc lộ 61 đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, nâng cấp đường tỉnh 932 đạt tiêu chuẩn IV đồng bằng. Định danh và nâng cấp các tuyến đường giao thông do huyện quản lý đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng. Nâng cấp và mở mới các tuyến đường giao thông nông thôn cho xe 2 bánh lưu thông trong cả 2 mùa mưa nắng.

- Nạo vét, mở rộng các tuyến đường thủy, phát huy ưu thế vận tải thủy. Xây dựng bến xe khách, bến tàu khách tại thị trấn Nàng Mau; một số bến nhỏ khác tại các cụm KT-XH Vĩnh Thuận Tây, Vĩnh Tường, Vị Thanh; phối hợp huyện Long Mỹ xây dựng bến phà ở xã Vĩnh Thuận Tây để nhân dân có phương tiện đi qua lại giữa 2 huyện.

b) Thủy lợi:

Thực hiện thủy lợi hóa trên nguyên tắc kết hợp chặt chẽ thủy lợi, giao thông, tổ chức sắp xếp lại các cụm, tuyến dân cư, cải tạo đất đai, môi trường sinh thái, nhất là sinh thái nông nghiệp. Tiếp tục củng cố hệ thống kênh dẫn tạo nguồn, cống đập, đê bao chống lũ và xâm nhập mặn; xây

dựng hệ thống kênh cấp II kết hợp với hệ thống kênh trục, đê bao khép kín. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng chủ động tưới tiêu nước; phát triển hệ thống trạm bơm điện, kết hợp giữa tự chảy và động lực, hạn chế thiệt hại do lũ, khắc phục được hạn.

c) Hệ thống điện:

Xây dựng mạng lưới cung cấp điện cơ bản là điện 3 pha, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Đến năm 2005, điện khí hoá 5/10 xã, thị trấn, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 85% tổng số hộ và đến năm 2010, 10/10 xã, thị trấn được điện khí hóa, trên 98% số hộ sử dụng điện, số hộ còn lại do điều kiện sống không tập trung có hướng sử dụng điện bằng nguồn năng lượng khác.

d) Cung cấp nước sạch:

Nâng tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch lên 80% vào năm 2005 và 95% vào năm 2010, song song với việc cung cấp nước sạch vấn đề vệ sinh môi trường cần đặc biệt chú trọng, nhất là sau mùa lũ.

6- Giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ - môi trường:

a) Giáo dục - đào tạo:

- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục- đào tạo theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa loại hình trường lớp, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chú trọng giáo dục mầm non tạo thuận lợi cho giáo dục phổ thông. Tiếp tục nâng cao hơn nữa tỷ lệ huy động học sinh đến trường, nhất là bậc tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Tăng hiệu quả đào tạo ở các cấp học, khắc phục tình trạng lưu ban, bỏ học của học sinh. Phần đầu đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2005. Thực hiện tốt việc phân luồng sau trung học cơ sở.

- Tranh thủ từ nhiều nguồn vốn hoàn thiện dần cơ sở vật chất, khắc phục nhanh tình trạng phòng tre lá tạm bợ, thiếu bàn ghế.

- Xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên, phát triển phương thức giáo dục không chính quy, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng yêu cầu giáo dục cho mọi người.

- Tiến hành kiểm tra, đánh giá, phân loại, sắp xếp chức danh theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phần đầu đến năm 2005 cơ bản đạt được tỷ lệ trình độ tối thiểu theo quy định.

b) Khoa học, công nghệ và môi trường:

- Phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tiến hành điều tra cơ bản: trình độ công nghệ, lực lượng khoa học kỹ thuật, số lượng và trình độ tay nghề công nhân kỹ thuật, tình trạng thất nghiệp đô thị, thiếu việc làm, thời gian làm việc của lao động nông thôn, tài nguyên, thủy sản, nước ngầm, môi trường để có giải pháp quản lý và sử dụng thích hợp.

- Đẩy mạnh hợp tác, tuyển chọn giống cây con thích nghi với điều kiện địa phương, có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế nhân rộng ra. Tăng cường quản lý chất lượng giống trước khi đưa vào sản xuất, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, công nghệ sinh học, sử dụng hợp lý hoá chất trong bảo vệ, chăm sóc cây trồng - vật nuôi, sản xuất nông sản sạch, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản theo công nghệ tiên bộ.

- Nghiên cứu, ứng dụng triển khai công nghệ phù hợp thay thế dần lao động thủ công, sản xuất sản phẩm mới có chất lượng cao từ các nguồn nguyên liệu tại địa phương, áp dụng công nghệ vi sinh, hóa sinh trong chế biến và bảo quản nông sản, phát triển lĩnh vực sửa chữa, bảo trì máy động lực, sản xuất các công cụ, thiết bị đầy nhanh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp.

- Phát triển mô hình hỗ trợ về khoa học công nghệ của các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài tỉnh thông qua các hợp đồng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ.

- Nghiên cứu và xây dựng mô hình cụm, tuyến dân cư, làng sinh thái, mô hình đô thị, cụm kinh tế - xã hội theo hướng phát triển đô thị có cây xanh, giảm thiểu tối đa các tác nhân gây ô nhiễm. Ứng dụng các biện pháp tiến bộ trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cải thiện cơ cấu bữa ăn, phòng chống suy dinh dưỡng, nhất là cho trẻ em.

- Thực hiện tin học hóa trong xử lý, lưu trữ, cung cấp thông tin, hỗ trợ hiệu quả trong công tác lãnh đạo, điều hành của hệ thống Đảng, quản lý của Nhà nước, quản lý doanh nghiệp, hoạt động đoàn thể.

- Tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, hướng dẫn nhân dân cách thức xử lý đơn giản chất thải rắn và lỏng tại hộ gia đình. Xây dựng nếp sống văn minh, tạo thành phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường rộng khắp.

- Quan tâm xử lý rác tại các chợ, nhất là chợ nông thôn; từng bước di dời các hộ cất nhà trên sông lên bờ, loại bỏ nhà vệ sinh và chuồng gia súc trên sông, kênh rạch.

7- Y tế, văn hóa, thể dục thể thao và xã hội:

- Nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình y tế quốc gia, đẩy mạnh xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở gắn với chương trình phát triển nông thôn và đô thị hóa. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực đội ngũ phục vụ trong ngành y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và dự phòng. Tiếp tục thực hiện tiêm chủng mở rộng. Hạn chế tốc độ gia tăng HIV/AIDS. Tích cực phòng chống các bệnh truyền nhiễm. Bảo đảm đạt kết quả các mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình đi đôi với chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Vận động toàn dân thực hiện tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, khống chế các dịch bệnh nguy hiểm.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo tinh thần Nghị quyết TW5 (khoá VIII); nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, ấp, xã văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh. Xây dựng và phát triển các mô hình đường sá xanh, sạch; ấp, xã không còn tệ nạn xã hội; cơ quan, trường học, bệnh viện văn minh. Tăng cường giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng của địa phương. Phối hợp với Sở Văn hóa thông tin khảo sát, xây dựng bia tưởng niệm và tôn tạo lại hồ chôn đồng bào bị Mỹ- Diệm tàn sát tại Vị Thủy và một số địa chỉ đỏ khác.

- Coi trọng xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, phát triển rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao hoạt động thể chất và tinh thần, đặc biệt chú trọng gây dựng và nâng chất phong trào ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang, cụm dân cư; câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo lồng ghép với các chương trình quốc gia khác trên từng địa bàn. Vận động, khuyến khích người giàu, người khá, người có tay nghề giúp đỡ người nghèo, người có khó khăn; tạo việc làm để người nghèo có điều kiện vươn lên; phát huy và nhân rộng mô hình hộ nghèo nỗ lực vượt khó vươn lên, mô hình giúp nhau giảm nghèo tại các cụm dân cư, ấp, xã. Mở rộng hình thức tín dụng, hỗ trợ vốn phát triển kinh tế gia đình, đẩy mạnh khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật để tăng năng suất, lợi nhuận, tăng thu nhập cho các hộ nghèo.

- Tiếp tục thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với nước, quan tâm phát triển quỹ đền ơn đáp nghĩa. Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện giúp đỡ những người khó khăn, hoạn nạn, trẻ mồ côi, người tàn tật, người già không nơi nương tựa, nhất là những đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học. Vận động thành lập quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Tiếp tục vận động phong trào xây dựng nhà tình thương cho các hộ nghèo.

8- Định hướng phát triển đô thị

a). Thị trấn Nàng Mau:

Phát triển khu đô thị huyện lỵ có kiến trúc phù hợp, hài hòa với không gian đô thị theo 2 hướng Bắc và Nam Quốc lộ 61, phù hợp với hiện tại cũng như hướng phát triển lâu dài, qui mô dân số 15.000- 20.000 dân với diện tích nội thị 240 ha. Động lực phát triển sẽ là các loại hình công nghiệp, thủ công nghiệp, gia công chế biến lương thực- thực phẩm và thương mại cùng các hoạt động dịch vụ khác.

b) Các đô thị nông thôn vệ tinh:

- Các cụm kinh tế- xã hội Vĩnh Thuận Tây, Vị Thanh, Vĩnh Tường: quy hoạch phát triển thành đô thị loại V. Các hạng mục xây dựng phục vụ cho KT-XH chính là: trường phổ thông trung học, phân viện y tế, các khu văn hóa -TDTT, hệ thống cung cấp nước tập trung, lưới điện trung hạ thế phục vụ sản xuất và xã hội.

III. Các giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy có nhiệm vụ:

- Phối hợp các Sở, ngành tỉnh liên quan nghiên cứu xây dựng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, lập quy hoạch chi tiết, xây dựng các chương trình mục tiêu phù hợp với quy hoạch này. Kết hợp hệ thống các biện pháp đồng bộ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của huyện và sự hỗ trợ của các tổ chức trong nước và nước ngoài như huy động và thu hút vốn đầu tư, nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ...

- Nghiên cứu và kiến nghị với UBND tỉnh các cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý và cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích đầu tư.

- Đầu tư tập trung để nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực, ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo động lực cho một số ngành chủ lực mà huyện có thế mạnh.

- Lập các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các dự án cụ thể, sắp xếp thứ tự ưu tiên, hợp lý tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch một cách chặt chẽ. Các Sở, ngành tỉnh có trách nhiệm phối hợp hỗ trợ địa phương trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế-kỹ thuật-xã hội, phù hợp với quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong quá trình thực hiện, hàng năm, 5 năm, Chủ tịch UBND huyện Vị Thủy có trách nhiệm tổng kết báo cáo UBND tỉnh những vấn đề chưa hợp lý, những vấn đề mới phát sinh cũng như những trường hợp không còn phù hợp và đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và của tỉnh.

Công bố rộng rãi nội dung, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội để các ngành, địa phương và nhân dân huyện Vị Thủy biết và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Vị Thủy có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. UBND tỉnh cần Thơ
chủ tịch
Nguyễn Phong Quang